

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 116/2022/DS-PT

Ngày 25-8-2022

V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã B, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H và ông Huỳnh Phi L.

Cùng địa chỉ: Ấp Tân T, thị trấn Búng T1, huyện Phụng H1, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông L: Ông Tô Minh S.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng H1, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: Đường Hùng V, ấp Mỹ L2, thị trấn Cây D, huyện Phụng H1, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn H2.

2.2. Bà Ngô Thị L3.

2.3. Bà Lê Thị Mộng C.

Cùng địa chỉ: khu vực 6, phường Ngã B, thành phố Ngã B, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị L3 và ông Trần Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2021 nguyên đơn trình bày: Do chỗ quen biết nên vào ngày 20/7/2021 có cho bà Ngô Thị L3 cùng các con là Lê Thị Mộng C và Trần Văn H2 mượn số tiền là 3.972.000.000đồng, không tính lãi suất. Bà L3, C và

H2 hứa trả 1.000.000đồng/1ngày từ ngày 21/7/2021 cho đến khi hết nợ. Có lập biên nhận và bên bà L3 và H2 ký tên.

Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bên phía bà L3, C, H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L3, Mộng C và Trần Văn H2 trả cho nguyên đơn số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị đơn trình bày như sau: Ông Trần Văn H2 và bà Ngô Thị L3 cho rằng không làm ăn gì với nguyên đơn, việc làm ăn là do bà Mộng C với bà H. Việc ký tên vào biên nhận là do hứa trả giúp bà C trả 1 ngày 1.000.000đồng chứ không nhận nợ nên bà L3 và ông Trần Văn H2 không đồng ý trả cho nguyên đơn. Đối với bà Lê Thị Mộng C thừa nhận và đồng ý một mình trả cho nguyên đơn số tiền 3.972.000.000đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã B, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn Ngô Thị L3, Trần Văn H2, Lê Thị Mộng C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Đặng Thị H và Huỳnh Phi L số tiền là 3.972.000.000đồng (Ba tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm hoàn trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, bị đơn ông Trần Văn H2, bà Ngô Thị L3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc một mình bà Lê Thị Mộng C trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn H2 và bà Ngô Thị L3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo theo hướng buộc một mình bà Lê Thị Mộng C trả số tiền 3.972.000.000đồng cho nguyên đơn. Ông H2, bà L3 cho rằng chỉ thống nhất trả số nợ thay cho bà C mỗi ngày 1.000.000đồng đến hết dịch covid.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Văn H2 và Ngô Thị Lê, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn H2 và bà Ngô Thị L3 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn ông H2, bà L3, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền phải trả cho nguyên đơn 3.972.000.000đồng (Ba tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng). Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]. Bị đơn bà Ngô Thị L3 và ông Trần Văn H2 chỉ kháng cáo về nghĩa vụ liên đới với bà C phải trả số tiền còn nợ trên cho nguyên đơn. Xét thấy:

Căn cứ vào biên nhận “Tờ mượn tiền” ngày 20/7/2021 (al) thì ông H2 và bà L3 cùng thừa nhận chữ ký là của ông, bà. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Theo tờ mượn tiền thì bị đơn ông H2, bà L3 thống nhất trả một ngày 1.000.000đồng cho nguyên đơn cùng với bà C. Ông H2, bà L3 cho rằng chỉ thống nhất trả số nợ thay cho bà C mỗi ngày 1.000.000đồng đến hết dịch covid. Tuy nhiên, theo tờ mượn tiền này thì không có thể hiện nội dung trả nợ thay đến hết dịch covid, không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận nên lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận. Mặc dù tờ mượn tiền có chỉnh sửa về số tiền còn nợ nhưng việc ông H2, bà L3 cùng thống nhất trả nợ 1.000.000đồng/01 ngày cho nguyên đơn là sự thật. Điều này thể hiện ý chí, thống nhất cùng bà C trả nợ cho nguyên đơn của bị đơn ông H2 và bà L3.

Mặt khác, số tiền huê hồng bà C thu được cũng sử dụng chung cho mục đích sinh hoạt gia đình. Đối với bà C, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa đều thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 3.972.000.000đồng, sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo nên có trách nhiệm cùng với ông H2 và bà L3 trả số tiền còn nợ trên cho nguyên đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H2 và bà L3 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông, bà.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn Ngô Thị L3, Trần Văn H2, Lê Thị Mộng C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Đặng Thị H và Huỳnh Phi L số tiền là 3.972.000.000đồng (Ba tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng) là có căn cứ.

Từ những cơ sở trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Văn H2 và Ngô Thị L3, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H2 và bà Ngô Thị L3 phải chịu theo quy định mỗi người là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L3 phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H2 và bà Ngô Thị L3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn Ngô Thị L3, Trần Văn H2, Lê Thị Mộng C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Đặng Thị H và Huỳnh Phi L số tiền là 3.972.000.000đồng (Ba tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm hoàn trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu số tiền là 111.440.000đồng (Một trăm mười một triệu bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Nguyên đơn Đặng Thị H và Huỳnh Phi L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 55.720.000đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), theo lai thu số 0008534 ngày 15/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã B, tỉnh Hậu Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông H2, bà L3 mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0008700 ngày 11/5/2022, biên lai thu số 0008703 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã B, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 25/8/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Ngã B, Hậu Giang;
- Chi cục THADS thành phố Ngã B, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn